TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/DS-ST
Ngày: 05-4-2018.

"V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Tô Thị Hoa Lư.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Hai.

Ông Tô Hoàng Vũ.

- ***Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Hoàng Anh Vũ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Trung Đến - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2017/TLST-DS, ngày 06/3/2017, về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2017/QĐXXST-DS ngày 21/11/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số: 155/2017/QĐST-DS ngày 22/12/2017; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 40/TB-TA ngày 07/3/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số 1096A/1, ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hứa Văn Đ, sinh năm 1967; Địa chỉ: Số 135, ấp K, xã T, thành phố S, tỉnh Đ; (Theo văn bản ủy quyền công chứng số 2635, ngày 30/3/2017). (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Lê Kim E, sinh năm 1959; Địa chỉ: Số 449, Khóm X, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đ. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1957; Địa chỉ: Số 449, Khóm X, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đ. (có mặt)

Lê Thành T, sinh năm 1981; (có mặt)

Trần Thị Thúy A, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số nhà 399, ấp A, xã Đ, huyện , tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 21/02/2017 và tại phiên tòa Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Trần Thị Mỹ H, ông Hứa Văn Đ trình bày:

Do trước đây năm 2015 không nhớ ngày tháng chị H có cho anh T mượn số tiền 45.000.000 đồng, không có làm biên nhận, không có lãi và anh T nói bà E còn thiều tiền ông T 45.000.000 đồng cho nên vào ngày 29/01/2016, chị H, bà E và ông T ngồi lại với nhau để chuyển giao việc bà E nợ ông T 45.000.000 đồng sang thiếu chị H 45.000.000 đồng. Việc thỏa thuận chuyển giao này không có lập văn bản mà bà E đồng ý nên mới viết biên nhận ngày 29/01/2016 thể hiện bà E có vay chị H 45.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 29/3/2016 sẽ trả, lãi suất 03%/tháng, mục đích vay là để tiêu xài và sử dụng chung cho gia đình, có làm biên nhận do bà E ký tên, ghi họ tên vào biên nhận ngày 29/01/2016. Tuy nhiên, đến nay bà E vẫn không trả tiền vốn và lãi cho chị H. Vì vậy, chị H yêu cầu bà E và ông G có trách nhiệm liên đới trả cho chị H số tiền nợ vay vốn gốc là 45.000.000 đồng và lãi là 5.850.000 đồng, cụ thể 01%/tháng, tính từ ngày 29/01/2016 đến 29/02/2017. Tổng cộng vốn và lãi là 50.850.000 đồng. Ngoài ra, chị H không có yêu cầu gì khác.

Chứng cứ cho yêu cầu của chị H là biên nhận ngày 29/01/2016 chữ ký tên E và viết Lê Kim E là do bà E viết còn nội dung khác là chị H viết dùm bà E vì bà E nói run tay nên nhờ chị H viết dùm. Chị H thống nhất với kết quả giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận ngày 13/9/2017 làm căn cứ giải quyết vụ án cho chị H.

Chị H cho rằng vào ngày 24/10/2015 ông T có viết biên nhận thể hiện có nhận của bà E 25.000.000 đồng để đưa cho bà H là do trước đây vào đầu năm 2015 chị H có cho bà E vay 25.000.000 đồng có làm biên nhận, lãi suất 3%/tháng và bà E đóng lãi đủ và vào ngày 24/10/2015 bà E trả 25.000.000 đồng đưa anh T để trả dùm cho chị H luôn 25.000.000 đồng là đủ. Chị H nhận đủ 25.000.000 đồng nên đã xé biên nhận mà bà E vay của chị H trước đây là 25.000.000 đồng.

- Tại các lần hòa giải và tại phiên tòa bị đơn Lê Kim E trình bày: Bà Lê Kim E không có vay của chị H số tiền 45.000.000 đồng và từ trước đến nay bà E cũng không có vay của chị H bất cứ tiền gì hết. Biên nhận ngày 29/01/2016 mà chị H xuất trình cho Tòa án có chữ ký và viết tên Lê Kim E là do chị H làm giả mạo chữ ký để vu không cho bà E chứ bà E hoàn toàn không có ký tên gì trong biên nhận ngày 29/01/2016 và ký tên vào bất cừ biên nhận nào khác của chị H. Bà Lê Kim E không thừa nhận có vay 45.000.000 đồng của bà H nên không đồng ý trả cho bà Trần Thị Mỹ H vốn 45.000.000 đồng và lãi, 5.850.000 đồng. Cộng chung vốn, lãi là 50.850.000 đồng.

Trước đây bà E có vay cụ thể là năm 2014 của anh T số tiền 1.000.000 đồng tiền góp ngày mỗi ngày 50.000 đồng. và bà E có ngày đóng có ngày không và ông T kê lãi lên đến ngày 24/10/2015 là 18.000.000 đồng. Bà E không có khả năng trả nên bỏ nhà ra đi được 3 tháng 7 ngày thì quay về. Đến ngày 25/12al/2015 bà E về

trả cho ông T 25.000.000 đồng. Số tiền 25.000.000 đồng này là xuất phát từ tiền 18.000.000 đồng mà bà E thiếu ông T trước đây. Vào ngày 25/12al/2015 bà E đưa cho ông T 25.000.000đ là xong hết, bà E thừa nhận ngày 24/10/2015 khi bà E đưa 25.000.000 đồng cho ông T có lập biên nhận do ông T viết và ký tên (Biên nhận ngày 24/10/2015 do bà E cung cấp). Khi ông T lập biên nhận ngày 24/10/2015 bà E có đọc nội dung đúng như biên nhận ngày 24/10/2015. Ông T ghi nhận 25.000.000 đồng để trả cho chị H là theo bà E biết là giữa ông T với chị H chuyển giao địa bàn được 02 ngày nên ông T nhận tiền trả cho chị H.

Như các lần trước bà E trình bày bà E không thừa nhận là có vay tiền gì của chị H hết và cũng không có ngồi lại thỏa thuận gì chuyển giao từ ông T sang chị H hết. Biên nhận ngày 29/01/2016 do chị H giả chữ ký của bà E. Bà E không thống nhất theo yêu cầu của chị H. Và hiện nay giữa bà E và ông T đã không còn thiếu tiền gì lẫn nhau bà E không yêu cầu gì đối với ông T cũng như đối với số tiền 25.000.000 đồng. Bà Lê Kim E không có ký bất kỳ biên nhận gì với chị Hạnh nên không đồng ý kết luận giám định và cũng không yêu cầu giám định lại chữ ký và viết gì của bà E.

- Tại các lần hòa giải và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Văn G trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà E, ông G không biết và cũng không có vay tiền gì của chị Hạnh, không đồng ý theo yêu cầu của chị H.

- Tại các lần hòa giải, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Thành T trình bày: Ngoài số tiền 7.000.000 đồng bà E vay của ông T mà Tòa án đã lấy lời khai của ông T vào ngày 15/01/2018 thì bà E còn thiếu ông T 45.000.000 đồng đó là số tiền mà trước đây vào năm 2015 ông T cho bà E vay góp ngày của nhiều dây nhưng không nhớ cụ thể nhưng gọp lại là 45.000.000 đồng tiền vốn. Chứng cứ giờ không còn vì ông T không còn cho vay nữa. Và cũng năm 2015 ông T có mượn của chị H 45.000.000đ vay không có làm biên nhận nên vào ngày 29/01/2016 giữa anh T, chị H và bà E ngồi lại với nhau tại nhà bà E thống nhất thỏa thuận chuyển giao phần tiền bà E thiếu ông T sang cho chị H và bà Kim E có lập biên nhận ngày 29/01/2016 thể hiện bà E có mượn của chị H 45.000.000đồng, lãi suất là 3%, thời hạn vay là 29/3/2016 sẽ trả. Ngoài biên nhận này ra không có lập biên bản thỏa thuận chuyển giao mà chỉ thỏa thuận miệng. Ngoài ra anh T có lập biên nhận ngày 24/10/2015 thể hiện việc ông T có nhận của bà E số tiền 25.000.000 đồng bà E nói nhờ anh T nhận dùm để chuyển cho chị H, anh T chỉ biết vậy chứ không biết là tiền 25.000.000 đồng này là tiền gì giữa chị H và bà E. Hôm bà E đến đưa 25.000.000 đồng cho anh T có vợ anh T là Trần Thị Thúy A chứng kiến nhưng anh T là người trực tiếp nhận tiền, viết biên nhận và giao đủ tiền 25.000.000 đồng này lại cho chị H. Chị A không có trực tiếp nhận tiền.

Đối với chị Trần Thị Thúy A kể từ khi Tòa án ra quyết định hoãn phiên tòa để đưa anh T và chị A vào tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tòa án đã mời hai lần hòa giải và tại phiên tòa hôm nay chị Trần Thị Thúy A đã vắng mặt và cũng không có văn bản gì phản bác qua yêu cầu và lời trình

bày của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác măc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ đầy đủ văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định.

Phát biểu của Kiểm sát viên việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi xét xử đã đúng theo quy định. Tuy nhiên bị đơn còn không chấp hành việc triệu tập của Tòa án.

Về nội dung: Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Trần Thị Mỹ H cụ thể: - Buộc bị đơn Lê Kim E trả vốn 45.000.000 đồng và lãi 5.850.000 đồng. – Bác một phần yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu ông G liên đới cùng bà E.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Thuý A đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, Trần Thị Thúy A vẫn cố tình vắng mặt và không có ý kiến trình bày hay giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền lợi cho mình hoặc yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn Trần Thị Mỹ H, bị đơn Lê Kim E và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác. Hơn nữa Hội đồng xét xử xét thấy việc giao nhận tiền ngày 24/10/2015 giữa anh T và bà E, chị A không có trực tiếp nhận tiền mà chỉ chứng kiến cho nên anh T mới viết trong biên nhận là chông Lê Thành T và vợ là Trần Thị Thúy A. Do đó xét thấy trong vụ án này chị Trần Thị Thúy A là người không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gì trong vụ án và sự vắng mặt của chị A tại phiên tòa này không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối Trần Thị Thúy A.

[2] Về thẩm quyền: Xét, bị đơn Lê Kim E có địa chỉ cư trú tại số 449, Khóm X, thị trấn Lai Vung, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; nguyên đơn khởi kiện bị đơn tại Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét thấy, việc bị đơn Lê Kim E cho rằng từ trước đến nay bị đơn không có vay tiền gì của nguyên đơn Trần Thị Mỹ H và biên nhận ngày 29/01/2016 mà nguyên đơn giao nộp cho Tòa án là không phải chữ ký tên và ghi họ và tên của bị đơn Lê Kim E. Bị đơn Lê Kim E cho rằng trước đây chỉ có thiếu tiền anh T tiền vay nóng do anh T kê lời quá cao nên bà E không có khả năng trả nên đã trốn đi và khi quay về thì bà E và ông T thống nhất bà E trả anh T 25.000.000 đồng vào ngày 24/10/2015 là xong nợ với anh T. Bà E và anh T không thiều tiền nhau gì nữa,

nhưng lời trình bày này của bà E không có bất cứ tài liệu, giấy tờ gì có giá trị pháp lý để chứng minh cho lời trình bày của bà E là có căn cứ hơn nữa anh T và chị H không đồng ý với lời trình bày của bà E, bởi lẽ anh T cho rằng trước đây bà E còn thiếu anh T vốn 45.000.000 đồng xuất phát từ tiền góp ngày của nhiều dây cộng lại mà bà E chưa trả cho anh T. Hơn nữa trước đây anh T có thiếu chị H 45.000.000 đồng cho nên giữa anh T và chị H bà E mới thống nhất chuyển giao số nợ 45.000.000 đồng này sang cho bà E thiếu chị H thể hiện trong biên nhận lập ngày 29/01/2016 có chữ ký và viết tên của bà E. Còn số tiền 25.000.000 đồng anh T chỉ nhận dùm của bà E để trả cho chị H, anh T không liên quan đến số tiền 25.000.000 đồng còn chị H cho rằng 25.000.000 đồng này chị H đã cho bà E vay đầu năm 2015 và bà E đã đóng lãi đầy đủ và ngày 24/10/2015 bà E trả 25.000.000 đồng cho anh T nhận dùm để trả cho chị H xong là đủ. Do bà E đã trả xong 25.000.000 đồng nên chị H đã xé biên nhận vay 25.000.000 đồng.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp chị Trần Thị Mỹ H có đơn yêu cầu trưng cầu giám định đối với chữ ký tên, viết họ tên "Lê Kim e" trong biên nhận 29/01/2016 thì tại bản kết luận, giám định số: 590/KL-KTHS ngày 13/9/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận: Chữ ký, viết họ tên "Lê Kim e" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của Lê Kim E trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M14 do cùng một người ký, viết ra. Do đó cho thấy việc bà E, chị H và anh T có thống nhất chuyển giao phần tiền 45.000.000 đồng là có thật và xác định biên nhận lập ngày 29/01/2016 là có giá trị pháp lý. Cho nên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Trần Thị Mỹ H là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 94 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 365, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với yêu cầu lãi suất của nguyên đơn Trần Thị Mỹ H, cụ thể là lãi suất 5.850.000 đồng, mức lãi suất là 01%/tháng, tính từ ngày 29/01/2016 đến 29/02/2017. Hội đồng xét xử xét thấy tại biên nhận ngày 29/01/2016 thì giữa nguyên đơn Trần Thị Mỹ H và bị đơn Lê Kim E có thỏa thuận về lãi suất là 03%/tháng. Tuy nhiên, theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn Lê Kim E trả lãi theo mức lãi suất là 01% /tháng trên nợ gốc 45.000.000 đồng. Như vậy, tiền lãi mà nguyên đơn Trần Thị Mỹ H yêu cầu bị đơn Lê Kim E phải trả lãi là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn Trần Thị Mỹ H buộc ông Nguyễn Văn G (chồng của bị đơn Lê Kim E) cùng liên đới với bị đơn Lê Kim E trả số tiền nợ vay 45.000.000 đồng và lãi suất 5.850.000 đồng. Tổng cộng vốn, lãi là 50.850.000 đồng. Xét thấy, nguyên đơn cho rằng bị đơn vay tiền với mục đích là để tiêu xài và sử dụng chung cho gia đình, nhưng chỉ thỏa thuận miệng chứ không có ghi trong biên nhận vay tiền ngày 29/01/2016, còn bị đơn và ông G đều không thừa nhận việc vay tiền của nguyên đơn và ông G không biết việc vay tiền gì của bà E vay của chị H. Cho nên, không đủ căn cứ để xác định việc bị đơn Lê Kim E xác lập giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, đồng thời căn cứ xác lập quan hệ đại

diện giữa vợ và chồng cũng không thỏa mãn với quy định tại Điều 24 và khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn G phải chịu trách nhiệm liên đới với bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 45.000.000 đồng và lãi suất 5.850.000 đồng. Tổng cộng vốn, lãi là 50.850.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn Trần Thị Mỹ H được chấp nhận toàn bộ đối với số tiền mà chị H yêu cầu, cho nên bị đơn Lê Kim E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Do kết quả giám định đã chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, nên bị đơn Lê Kim E phải chịu tiền chi phí giám định là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó cần buộc bà Lê Kim E hoàn trả cho chị Trần Thị Mỹ H đúng số tiền 2.025.000 đồng mà Trần Thị Mỹ H đã nộp tiền tạm ứng chi phí giám định.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi xét xử đã đúng theo quy định. Tuy nhiên bị đơn còn không chấp hành việc triệu tập của Tòa án.

Về nội dung: Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Trần Thị Mỹ H cụ thể: - Buộc bị đơn Lê Kim E trả vốn 45.000.000 đồng và lãi 5.850.000 đồng. – Bác một phần yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu ông G liên đới cùng bà E. Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 161, Điều 162, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 357, Điều 365, Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Trần Thị Mỹ H

- Buộc bà Lê Kim E phải có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị Mỹ H vốn 45.000.000 đồng, lãi 5.850.000 đồng. Tổng cộng vốn, lãi là 50.850.000 đồng (Năm mươi triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Trần Thị Mỹ H yêu cầu ông Nguyễn Văn G liên đới cùng bà Lê Kim Em.

2. Về án phí, tạm ứng án phí:

- Bà Lê Kim E phải chịu 2.542.500 đồng (Hai triệu, năm trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho chị Trần Thị Mỹ H số tiền 1.271.250 đồng (Một triệu, hai trăm bảy mươi mốt nghìn, hai trăm năm mươi đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí, án phí Tòa án số 12514, ngày 06/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Về tiền tạm ứng chi phí giám định và nghĩa vụ chịu tiền chi phí giám định:

- Bà Lê Kim E phải chịu 2.025.000 đồng (Hai triệu, không trăm, hai mươi lăm nghìn đồng) tiền chi phí giám định.

- Buộc bà Lê Kim E phải có nghĩa vụ trả lại cho chị Trần Thị Mỹ H số tiền 2.025.000 đồng (Hai triệu, không trăm, hai mươi lăm nghìn đồng) mà chị Trần Thị Mỹ H đã nộp tạm ứng chi phí giám định theo Phiếu thu số 14, quyển số 06 ngày 10/10/2017 của Phòng kỹ thật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (05/4/2018). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa ngày 05/4/2018 thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

5. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện L.V
- Chi cục THADS huyện L.V;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT, (Nh.08b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Thị Hoa Lư